

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3413 /ĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
CỦA GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
Về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội”

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia được ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết nghị số 3300/2007/QN-HĐ ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội về các quy chế đào tạo;

Theo đề nghị của ông Trưởng ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội”.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc của Đại học Quốc gia Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu Ban ĐT, VP.

GS. VS. Đào Trọng Thi

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Đào tạo Đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội

*(ban hành kèm theo Quyết định số 3413 /ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2007
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

Chương I

CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 1. Đơn vị và ngành đào tạo đại học

Các trường đại học thành viên và các khoa, trung tâm trực thuộc có nhiệm vụ thường xuyên về đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội là những đơn vị đào tạo đại học, chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý đào tạo những ngành học, môn học được giao theo đúng chương trình và quy trình đào tạo do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành.

Căn cứ vào năng lực đào tạo của mình, cũng như vào yêu cầu của sự phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu về nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, hàng năm đơn vị đào tạo sắp xếp, cơ cấu lại các ngành học hiện có hoặc xây dựng những ngành học mới, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét cho phép tổ chức đào tạo những ngành học đã có trong danh mục đào tạo của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (danh mục đào tạo nhà nước) hoặc tổ chức đào tạo thí điểm những ngành học mới chưa có trong danh mục đào tạo nói trên.

Đại học Quốc gia Hà Nội báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sắp xếp, cơ cấu lại, mở hoặc thí điểm các ngành học mới để Bộ theo dõi, tổng hợp, đánh giá, chính thức đưa vào danh mục đào tạo nhà nước những ngành học mới.

Điều 2. Hình thức dạy - học, giờ tín chỉ và tín chỉ

1. Có ba hình thức dạy - học:

a. *Lên lớp*: Sinh viên học tập trên lớp thông qua bài giảng, hướng dẫn của giảng viên tại lớp.

b. *Thực hành*: Sinh viên học tập thông qua thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập, đọc và nghiên cứu tài liệu, ... dưới sự trợ giúp trực tiếp của giảng viên.

c. *Tự học*: Sinh viên tự học tập, nghiên cứu theo hình thức cá nhân hoặc tổ/nhóm ở nhà, ở thư viện, trong phòng thí nghiệm, ... theo kế hoạch, nhiệm vụ, nội dung do giảng viên giao, được kiểm tra - đánh giá và tích lũy vào kết quả học tập cuối cùng.

2. *Giờ tín chỉ* là đại lượng được dùng làm đơn vị để đo thời lượng lao động học tập của sinh viên. Giờ tín chỉ được phân thành ba loại theo cơ cấu các hình thức dạy-học, định lượng thời gian và được xác định như sau:

- a. *Giờ tín chỉ lên lớp*: gồm 1 tiết lên lớp và 2 tiết tự học.
- b. *Giờ tín chỉ thực hành*: gồm 2 tiết thực hành và 1 tiết tự học.
- c. *Giờ tín chỉ tự học*: gồm 3 tiết tự học.

Một tiết học được tính bằng 50 phút

3. *Tín chỉ* là đại lượng xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng (trung bình) mà sinh viên tích lũy được từ môn học trong 15 giờ tín chỉ (cùng loại hoặc khác loại) được thực hiện mỗi tuần 01 giờ tín chỉ và kéo dài trong một học kỳ gồm 15 tuần. *Tín chỉ* được sử dụng làm đơn vị để tích lũy khối lượng học tập của sinh viên.

Điều 3. Môn học

1. *Môn học* là một phần kiến thức tương đối trọn vẹn của một bộ môn khoa học, thuận tiện để người học tích lũy dần toàn bộ kiến thức của một chương trình đào tạo trong quá trình học tập.

Mỗi môn học khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ, được thực hiện trọn vẹn trong một học kỳ.

2. Có hai loại môn học:

- *Môn học bắt buộc* là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của chương trình đào tạo và sinh viên bắt buộc phải tích lũy.

- *Môn học tự chọn* là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của chương trình đào tạo do sinh viên chọn theo hướng dẫn của đơn vị đào tạo hoặc tự chọn theo sở thích riêng.

3. *Môn học tiên quyết* đối với một môn học nào đó là môn học sinh viên bắt buộc phải tích lũy trước khi được phép học môn học này.

4. Khóa luận tốt nghiệp

Vào đầu học kỳ cuối cùng của khóa học, sinh viên được hướng dẫn đăng ký làm một đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp (gọi chung là khoá luận tốt nghiệp) hoặc thi tốt nghiệp chuyên môn. Tùy theo điều kiện của đơn vị đào tạo và đặc thù của từng ngành đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định những điều kiện để sinh viên được làm khoá luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp chuyên môn.

- Khóa luận tốt nghiệp được xem như một môn học tự chọn có khối lượng kiến thức tương đương 5 tín chỉ đối với các ngành khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn, sư phạm hoặc 7 tín chỉ đối với các ngành kỹ thuật, công nghệ, hệ đào tạo chất lượng cao hoặc 10 tín chỉ đối với hệ đào tạo tài năng. Chủ nhiệm khoa (hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc) phân công cán bộ hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp theo đề nghị của chủ nhiệm bộ môn. Đề tài khóa luận tốt nghiệp do cán bộ hướng dẫn xác định, đăng ký và thông qua ở bộ môn.

Những đề tài có tính chất liên bộ môn phải được chủ nhiệm khoa (hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc) thông qua trước khi giao cho sinh viên thực hiện.

Điều 4. Chương trình đào tạo đại học

Chương trình đào tạo đại học là tập hợp các môn học được bố trí giảng dạy, học tập trong một khoá học với khối lượng kiến thức từ 120 tín chỉ đến 175 tín chỉ tùy theo loại chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo của một ngành đào tạo được xây dựng phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về cấu trúc và khối lượng kiến thức tối thiểu cho từng lĩnh vực chuyên môn. Chương trình đào tạo bao gồm các khối kiến thức: *kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ.*

Ngoài ra, các ngành đào tạo thuộc cùng một nhóm ngành có chung một khối lượng kiến thức cơ bản nhất định được gọi là *kiến thức cơ bản chung* của nhóm ngành.

Đối với bậc đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức các loại chương trình đào tạo như sau:

- *Chương trình đào tạo chuẩn* có khối lượng từ 120 đến 140 tín chỉ. Loại chương trình này đặt mục tiêu đạt chuẩn chất lượng quốc gia.

- *Chương trình đào tạo chất lượng cao* về cơ bản dựa theo chương trình đào tạo chuẩn hiện hành, nhưng được cải tiến, nâng cao, có khối lượng từ 150 đến 155 tín chỉ để áp dụng các phương pháp dạy và học tiên tiến nhằm đạt được hiệu quả tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng cao hơn. Chương trình này dành cho những sinh viên khá giỏi hệ chính quy của một số ngành khoa học cơ bản, công nghệ cao, kinh tế-xã hội mũi nhọn để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Loại chương trình này đặt mục tiêu đạt chất lượng với chuẩn mực khu vực, từng bước được mở rộng áp dụng chung cho hệ đào tạo chính quy thông thường, tiến tới đạt mục tiêu chất lượng cao đối với tất cả sinh viên trong tất cả các ngành đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Chương trình đào tạo tài năng* dành cho những sinh viên hệ chính quy đặc biệt xuất sắc, có năng khiếu về một ngành khoa học cơ bản để tạo nguồn nhân tài cho đất nước, với yêu cầu trình độ cao hơn và nội dung rộng hơn, sâu hơn so với chương trình đào tạo chuẩn, có khối lượng từ 165 đến 175 tín chỉ. Loại chương trình này đặt mục tiêu đạt trình độ quốc tế.

- *Chương trình đào tạo quốc tế* là chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao được quốc tế hoá hoặc chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài đạt trình độ quốc tế.

- *Chương trình liên kết đào tạo quốc tế* là chương trình đào tạo của trường đại học nước ngoài có uy tín được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam và được tổ chức thực hiện dưới hình thức liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài có uy tín.

- *Chương trình đào tạo chuyên tu* nhằm nâng cấp chương trình đào tạo cao đẳng lên trình độ đại học được thiết kế riêng cho từng khóa học trên cơ sở bổ sung những kiến thức cần thiết để đảm bảo tương đương với chương trình đào tạo chuẩn nhưng không có khối kiến thức về Giáo dục thể chất.

Điều 5. Xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo chung việc xây dựng chương trình đào tạo. Khung chương trình đào tạo là danh mục các môn học và số lượng tín chỉ của từng môn học thuộc chương trình đào tạo. Đại học Quốc gia Hà Nội quy định cơ cấu và khối lượng các khối kiến thức, trực tiếp xác định danh mục và khối lượng kiến thức của các môn học thuộc khối kiến thức chung và khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, còn đơn vị đào tạo xác định danh mục và khối lượng kiến thức của các môn học thuộc các khối kiến thức còn lại và báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội để tổng hợp và tổ chức thẩm định khung chương trình đào tạo.

Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giao cho một đơn vị đào tạo có chuyên môn phù hợp tổ chức xây dựng, nghiệm thu đề cương các môn học thuộc khối kiến thức chung và khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành. Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức xây dựng, nghiệm thu đề cương các môn học thuộc các khối kiến thức còn lại đối với các ngành học do đơn vị tổ chức đào tạo.

Điều 6. Đề cương môn học

Đề cương môn học phải cung cấp thông tin chủ yếu về nội dung và tổ chức dạy - học của môn học.

Đề cương môn học bao gồm:

- Thông tin về đơn vị đào tạo (tên trường, khoa, bộ môn,...).
- Thông tin về môn học (tên môn học, bắt buộc hay tự chọn, số lượng tín chỉ, loại giờ tín chỉ, các môn học tiên quyết,...).
- Thông tin về tổ chức dạy và học.
- Mục tiêu, nội dung cơ bản và phương pháp giảng dạy môn học.
- Giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo.
- Các yêu cầu và quy định về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập.
- Một số thông tin liên quan khác theo quy định và hướng dẫn của ĐHQGHN.

Hàng năm, nội dung môn học, chuyên đề được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, hiện đại hóa phù hợp với trình độ phát triển khoa học, công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cơ bản của môn học, chuyên đề phải được hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua và lập thành hồ sơ lưu tại đơn vị đào tạo. Trên cơ sở đó, đề cương môn học cũng phải thay đổi cho phù hợp.

Điều 7. Loại hình đào tạo

Các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức đào tạo theo các loại hình đào tạo sau:

1. *Hệ chính quy*: đào tạo tập trung dài hạn theo chương trình đào tạo chuẩn.

2. *Hệ tại chức* (vừa học vừa làm): đào tạo không tập trung theo chương trình đào tạo chuẩn nhưng không có khối kiến thức về Giáo dục Thể chất.

3. *Hệ chuyên tu*: đào tạo tập trung đối với người đã tốt nghiệp cao đẳng theo chương trình đào tạo chuyên tu.

4. *Văn bằng thứ hai*: đào tạo tập trung hoặc không tập trung đối với những người đã có một bằng đại học để lấy bằng đại học thứ hai theo chương trình đào tạo được xác định cho từng người học theo nguyên tắc:

a. Người học phải tích lũy đủ các môn học có trong chương trình đào tạo của ngành thứ hai mà khi học ngành thứ nhất chưa được học hoặc đã học nhưng chưa đủ khối lượng quy định.

b. Người học được bảo lưu kết quả học tập đối với những môn học trong chương trình đào tạo ngành học thứ nhất có từ 80% trở lên nội dung trùng với nội dung chương trình đào tạo của ngành học mới và thi đạt từ 5 điểm trở lên; những môn học có nội dung trùng từ 50% đến cận 80% thì không được bảo lưu kết quả học tập nhưng có thể tự học và dự thi để lấy điểm; những môn học chưa học hoặc có nội dung chương trình trùng dưới 50% thì người học phải dự học trên lớp mới được dự thi theo quy định chung.

Dựa vào kết quả học tập trên bảng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp đại học, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc bảo lưu kết quả học tập, khối lượng kiến thức, các môn học và nội dung phải học bổ sung đối với từng sinh viên.

5. *Hệ đào tạo tài năng, chất lượng cao*: đào tạo tập trung theo chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao và theo quy định riêng do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành.

6. *Đào tạo quốc tế*: đào tạo tập trung theo chương trình đào tạo quốc tế do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội giao nhiệm vụ và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

7. *Đào tạo liên kết quốc tế*: hợp tác với trường đại học nước ngoài thực hiện chương trình đào tạo liên kết quốc tế. Nội dung, phương thức đào tạo và văn bằng của từng chương trình đào tạo liên kết quốc tế cụ thể do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định, phù hợp với văn bản hợp tác ký với đại học đối tác nước ngoài.

8. *Các loại hình đào tạo khác* do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quy định riêng đối với từng loại hình đào tạo cụ thể.

Điều 8. Về các môn học Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất

1. Chương trình đào tạo hệ chính quy bao gồm cả các môn học về Giáo dục quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

2. Chương trình đào tạo hệ tại chức và hệ chuyên tu bao gồm các môn học về Giáo dục Quốc phòng, không có các môn học về Giáo dục Thể chất.

3. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các môn học về Giáo dục Quốc phòng:

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ các môn học về Giáo dục Quốc phòng:

- Sinh viên nguyên là sỹ quan quân đội;
- Sinh viên là người nước ngoài;
- Sinh viên là người hưởng lương thuộc biên chế nhà nước được cơ quan cử đi học hệ tại chức hoặc hệ chuyên tu;

- Sinh viên đã được cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng phù hợp với trình độ đào tạo.

b. Đối tượng được miễn các môn học thực hành về Giáo dục Quốc phòng:

- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ (có quyết định xuất ngũ);
- Sinh viên là tu sỹ thuộc các tôn giáo;
- Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên);

c. Đối tượng được tạm hoãn học các môn học về Giáo dục Quốc phòng:

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;
- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng;
- Sinh viên có lý do đặc biệt về hoàn cảnh gia đình.

Các đối tượng trên nếu được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận cho tạm hoãn học các môn học về Giáo dục Quốc phòng, hết thời hạn tạm hoãn sinh viên phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

4. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các môn học về Giáo dục Thể chất:

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ các môn học về Giáo dục Thể chất:

Sinh viên đã hoàn thành các môn học về Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

b. Đối tượng được miễn các môn học thực hành về Giáo dục Thể chất:

Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên); Có thể áp dụng thay thế các môn đặc thù dành cho người khuyết tật.

c. Đối tượng được tạm hoãn học các môn học về Giáo dục thể chất:

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;
- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

Các đối tượng trên nếu được thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận cho tạm hoãn học các môn học về Giáo dục Thể chất thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

Điều 9. Khóa học

1. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể.

Thời gian của khóa học đối với mỗi loại hình đào tạo như sau:

a. *Hệ chính quy*: từ 4 năm đến 5 năm tùy theo ngành đào tạo. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình được cộng thêm 4 học kỳ đối với hệ đào tạo 4 năm, 6 học kỳ đối với hệ đào tạo 5 năm.

b. *Hệ tại chức*: từ 5 năm đến 7 năm tùy theo ngành đào tạo. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình được cộng thêm 6 học kỳ. Trường hợp tổ chức đào tạo thành lớp riêng cho 100% đối tượng đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học ngành gần hoặc cùng nhóm ngành đào tạo, có thể rút ngắn thời gian đào tạo, nhưng thời gian đào tạo tối thiểu của khóa học phải là 3 năm.

c. *Hệ chuyên tu*: từ 1,5 năm đến 2,5 năm tùy theo khoá học. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình được cộng thêm 2 học kỳ.

d. *Văn bằng thứ hai*: thời gian của mỗi khóa học do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định đối với từng học viên trên cơ sở những kiến thức đã được tích lũy và kết quả học tập được bảo lưu tại văn bằng đại học thứ nhất, nhưng không vượt quá thời gian quy định đối với ngành đào tạo của hệ đào tạo tương ứng.

2. Khóa học được tổ chức theo năm học và học kỳ. Mỗi năm học có hai học kỳ chính. Mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra. Ngoài hai học kỳ chính, thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, kiểm tra.

3. Lịch trình đào tạo được tổ chức theo nguyên tắc: khối kiến thức cơ bản học trước; khối kiến thức chung và khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành bố trí xen kẽ nhưng cố gắng đưa vào những học kỳ đầu, khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành và nghiệp vụ học sau.

4. Đầu khóa học, đơn vị đào tạo có trách nhiệm phổ biến cho sinh viên biết về chương trình đào tạo toàn khóa, về quy chế đào tạo, về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên và phương pháp học đại học.

5. Thời gian hoạt động giảng dạy được tính từ 8 giờ đến 20 giờ hàng ngày. Tùy theo tình hình thực tế, thủ trưởng đơn vị đào tạo đại học quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của đơn vị mình.

Điều 10. Kế hoạch đào tạo

1. Hàng năm, các đơn vị đào tạo lập kế hoạch tổ chức đào tạo năm học (theo mẫu do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định), lịch trình đào tạo chi tiết và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội (qua Ban Đào tạo) trước ngày 31 tháng 7 đối với hệ chính quy và 2 tuần trước ngày khai giảng đối với các hệ tại chức, chuyên tu, đào tạo văn bằng thứ hai. Lịch trình đào tạo chi tiết cần ghi rõ thời gian khai giảng khóa học; thời gian dạy và học, thi, kiểm tra trong mỗi học kỳ; thời gian thực hành, thực tập; thời gian tập quân sự; thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp; thời gian tổ chức lễ tốt nghiệp và phát bằng tốt nghiệp, thời gian nghỉ Tết.

2. Đầu mỗi năm học, đơn vị đào tạo phổ biến cho sinh viên kế hoạch học tập chung của năm học gồm danh mục các môn học sẽ được tổ chức giảng dạy trong từng học kỳ, thời gian và hình thức kiểm tra, thi các môn học đó. Khoa có trách nhiệm cung cấp cho sinh viên đề cương các môn học trong học kỳ.

3. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải tham khảo ý kiến tư vấn của cán bộ phụ trách đào tạo để đăng ký với đơn vị đào tạo học những môn học tự chọn và những môn học sai khác so với kế hoạch học tập chung của học kỳ đó. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định kế hoạch học tập trong học kỳ đối với mỗi sinh viên. Nếu không đăng ký, sinh viên phải chấp nhận kế hoạch học tập chung của đơn vị đào tạo.

4. Các đơn vị đào tạo phải gửi báo cáo sơ kết học kỳ I và báo cáo tổng kết năm học theo mẫu do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định về Ban Đào tạo chậm nhất 1 tháng sau khi kết thúc học kỳ hoặc kết thúc năm học.

Điều 11. Liên kết đào tạo trong nước

Đơn vị đào tạo được liên kết với các trường đại học, cao đẳng, các trung tâm giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các viện nghiên cứu để tổ chức đào tạo các chương trình đại học không chính quy. Việc liên kết đào tạo các chương trình đại học hệ chính quy do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.

Chương II TUYỂN SINH VÀ ĐĂNG KÝ HỌC TẬP

Điều 12. Điều kiện đăng ký dự thi tuyển sinh

Những người có đủ các điều kiện dưới đây được đăng ký dự thi tuyển sinh vào học tại Đại học Quốc gia Hà Nội:

1. Điều kiện về học lực:

a. *Hệ chính quy*: đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương (trung học chuyên nghiệp, trung học bổ túc, trung học nghề); đáp ứng các điều kiện về học lực ở bậc trung học phổ thông hoặc tương đương do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định cho tất cả hoặc một số ngành học.

b. *Hệ tại chức*: đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương (trung học chuyên nghiệp, trung học bổ túc, trung học nghề).

c. *Hệ chuyên tu*: đã tốt nghiệp cao đẳng ngành phù hợp với ngành dự thi.

d. *Văn bằng thứ hai*: đã có một bằng tốt nghiệp đại học.

2. Không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc can án;

3. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định của ngành học;

4. Đáp ứng những quy định riêng đối với một số ngành học đặc thù.

Điều 13. Điều kiện miễn thi tuyển sinh

1. Các đối tượng sau đây đăng ký vào học tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được miễn thi tuyển sinh:

a. *Hệ chính quy*: theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Hệ tại chức:

- Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, chiến sỹ thi đua toàn quốc đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Người đã dự thi và trúng tuyển vào đại học hệ chính quy hoặc tại chức tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường, lớp nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội Thanh niên xung phong trở lên giới thiệu, nếu có đủ điều kiện về sức khỏe, có đầy đủ giấy tờ hợp lệ và chưa quá 5 năm tính từ ngày dự thi đại học thì được xem xét nhận vào học tại đơn vị đào tạo trước đây đã trúng tuyển.

- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học ngành trong cùng nhóm ngành hoặc cùng khối thi tuyển sinh với ngành đăng ký dự thi.

c. Văn bằng thứ hai:

- Hệ chính quy: Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy tại Đại học Quốc gia Hà Nội đăng ký vào học ngành đào tạo khác trong cùng nhóm ngành.

- Hệ tại chức:

+ Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành trong cùng nhóm ngành với ngành đăng ký học;

+ Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành thuộc nhóm ngành khoa học tự nhiên đăng ký học ngành thuộc các nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ, kinh tế và ngoại ngữ;

+ Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành thuộc các nhóm ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ đăng ký học ngành thuộc các nhóm ngành kinh tế và ngoại ngữ.

2. Trong trường hợp số thí sinh được miễn thi tuyển vượt quá chỉ tiêu đào tạo được giao, thủ trưởng đơn vị đào tạo cần phải tổ chức kiểm tra để tuyển đủ chỉ tiêu. Môn kiểm tra, nội dung, hình thức kiểm tra do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định và thông báo cho thí sinh.

Điều 14. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, có đủ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ (nếu theo học chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngoại ngữ tương ứng) đáp ứng yêu cầu học tập tại Đại học Quốc gia Hà Nội được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xét tuyển theo đề nghị của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Những trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.

Điều 15. Hàng năm, căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật chất, đơn vị đào tạo dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh năm học sau cho các loại hình đào tạo của đơn vị mình và gửi văn bản đề nghị cùng báo cáo về việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của năm học trước về Đại học Quốc gia Hà Nội (qua Ban Đào tạo) trước ngày 31 tháng 5. Sau khi được Đại học Quốc gia Hà Nội giao chỉ tiêu tuyển sinh, đơn vị đào tạo phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành đào tạo trong mỗi loại hình đào tạo thuộc đơn vị mình.

Chỉ tiêu tuyển sinh của năm học nào được thực hiện trong năm học đó, không chuyển sang năm học sau.

Điều 16. Công tác tuyển sinh

1. *Hệ chính quy:* Hàng năm, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức tuyển sinh đại học chính quy theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản quy định về tuyển sinh đại học do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành. Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo điều phối chung và trực tiếp tổ chức làm đề thi chung hoặc quyết định sử dụng đề thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức làm chung cho cả nước. Các đơn vị đào tạo đề xuất khối thi tuyển sinh và hệ số điểm các môn thi cho từng ngành đào tạo để trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trước ngày thi tuyển 6 tháng. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh của đơn vị. Hội đồng tuyển sinh của đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm quyết định điểm chuẩn phù hợp với chỉ tiêu tuyển sinh được giao, công bố kết quả và triệu tập thí sinh trúng tuyển của đơn vị mình. Việc tiếp nhận hồ sơ dự thi, coi thi, làm phách, ráp điểm, tiếp nhận đơn xin phúc khảo được tổ chức theo khối thi và được Đại học Quốc gia Hà Nội giao cho các hội đồng tuyển sinh của một số đơn vị đào tạo thực hiện. Việc chấm thi, kể cả phúc khảo được tổ chức theo từng môn thi và được Đại học Quốc gia Hà Nội giao cho hội đồng tuyển sinh của đơn vị đào tạo có ngành chuyên môn tương ứng thực hiện.

2. Các hệ tại chức, chuyên tu và văn bằng thứ hai

a. Trên cơ sở chỉ tiêu đã phân cho khóa học, đơn vị đào tạo lập kế hoạch phân bổ chỉ tiêu cho các ngành và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội (qua Ban Đào tạo) chậm nhất 1 tháng sau khi nhận được quyết định phân bổ chỉ tiêu của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

b. Các lớp mở tại địa phương phải có công văn đề nghị của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành trung ương.

c. Thủ trưởng đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức tuyển sinh của đơn vị mình theo các văn bản quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành, bao gồm các khâu sau:

- Ra thông báo tuyển sinh chậm nhất trước ngày thi 3 tháng;
- Nhận và duyệt hồ sơ đăng ký dự thi;
- Thành lập hội đồng tuyển sinh;

- Ra đề thi tuyển sinh;
- Tổ chức coi thi;
- Tổ chức chấm thi và chấm lại;
- Quyết định điểm chuẩn và xét tuyển phù hợp với chỉ tiêu đã phân bổ;
- Ra quyết định công nhận trúng tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển.

Điều 17. Hồ sơ đăng ký dự thi

1. Đối với hệ chính quy: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 2. Đối với các hệ tại chức, chuyên tu và đào tạo văn bằng thứ hai:
 - Một phiếu đăng ký dự thi hoặc phiếu đăng ký xét tuyển;
 - Một bản sao giấy khai sinh có công chứng nhà nước;
 - Một bản sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp hoặc ủy ban nhân dân xã, phường;
 - Một bản sao giấy chứng nhận hợp pháp là đối tượng ưu tiên có công chứng nhà nước (nếu có);
 - Hai ảnh màu chụp kiểu chứng minh thư nhân dân cỡ 4cm x 6cm, mặt sau ảnh ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm sinh của thí sinh;
 - Hai phong bì có dán tem ghi rõ họ tên và địa chỉ người nhận.
- Ngoài ra, đối với mỗi loại hình đào tạo có các yêu cầu riêng sau:
- + *Hệ tại chức:*
 - Một bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (trung học chuyên nghiệp, trung học bổ túc, trung học nghề) có công chứng nhà nước;
 - Một bản sao bằng tốt nghiệp đại học có công chứng nhà nước (nếu có, để được xét miễn thi).
 - + *Hệ chuyên tu:*
 - Một bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng có công chứng nhà nước;
 - Quyết định hoặc giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp cử đương sự đi học (đối với những người đang làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp);
 - Giấy giới thiệu đi học của xã, phường nơi người học có hộ khẩu thường trú (đối với người không thuộc diện cơ quan, doanh nghiệp quản lý).
 - + *Đào tạo văn bằng thứ hai:*
 - Một bản sao bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học có công chứng nhà nước;
 - Quyết định hoặc giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp cử đương sự đi học (đối với những người đang làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp);

- Giấy giới thiệu đi học của xã, phường nơi người học có hộ khẩu thường trú (đối với người không thuộc diện cơ quan, doanh nghiệp quản lý).

Tất cả hồ sơ đựng trong một phong bì kích thước 23cm x 33cm; ngoài bì ghi họ tên, ngày, tháng, năm sinh của thí sinh.

Điều 18. Các môn thi tuyển sinh

1. Môn thi tuyển sinh đối với hệ chính quy do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định và thông báo trước cho thí sinh.

2. Môn thi tuyển sinh, nội dung và hình thức thi đối với các hệ tại chức, chuyên tu và đào tạo văn bằng thứ hai do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể và thông báo trước cho thí sinh.

- Hệ tại chức:

+ Thi 3 môn văn hóa theo khối thi như hệ chính quy đối với những người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, trung học bổ túc, trung học nghề và cao đẳng, đại học không cùng nhóm ngành hoặc không cùng khối thi với ngành đăng ký dự thi.

+ Thi 2 môn (1 môn cơ sở ngành và 1 môn chuyên môn) đối với những người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi.

- Hệ chuyên tu: thi 2 môn (1 môn cơ sở ngành và 1 môn chuyên môn).

- Đào tạo văn bằng thứ hai: thi 2 môn do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

Điều 19. Lệ phí tuyển sinh

1. *Hệ chính quy*: thực hiện theo quy định chung của Bộ Tài chính.

2. *Các hệ tại chức, chuyên tu, văn bằng thứ hai*: thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định lệ phí đăng ký dự thi, lệ phí dự thi và lệ phí xét tuyển căn cứ vào tình hình thực tế và theo nguyên tắc lấy thu bù chi.

Điều 20. Học phí

Học phí được tính theo học kỳ với số lượng tín chỉ sinh viên có thể đăng ký học từ 13 đến 18 đối với hệ chính quy, chuyên tu và văn bằng thứ hai; từ 9 đến 14 đối với hệ tại chức. Nếu sinh viên đăng ký học số lượng tín chỉ nhiều hơn mức tối đa nói trên thì phải trả học phí bổ sung cho số tín chỉ đăng ký học vượt mức. Sinh viên đăng ký học số lượng tín chỉ thấp hơn mức tối thiểu nói trên thì được giảm học phí đối với số tín chỉ còn thiếu so với mức quy định. Mức thu học phí và cách thức thu học phí do thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định, phù hợp với quy định của Nhà nước và Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 21. Đăng ký học các môn học

1. Đối với môn học thuộc khối kiến thức chung hoặc khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, sinh viên được đăng ký học và thi theo một trong các lớp học dạy cùng môn học tại đơn vị đào tạo quản lý sinh viên.

2. Việc tổ chức đăng ký học các môn học thuộc các khối kiến thức cơ sở của ngành, khối kiến thức chuyên ngành và khối kiến thức nghiệp vụ do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của đơn vị mình và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội trước khi thực hiện.

Chương III **GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP**

Điều 22. Đầu mỗi năm học, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định và thông báo rộng rãi cho cán bộ và sinh viên biết lịch trình giảng dạy dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các môn học bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương môn học, kế hoạch giảng dạy, lịch kiểm tra và thi đối với từng môn học.

Điều 23. Cán bộ giảng dạy có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện tư vấn giúp đỡ sinh viên, NCS trong học tập, nghiên cứu.

3. Giảng dạy theo đúng đề cương môn học đã được ban hành, kế hoạch và lịch trình giảng dạy đã được khoa hoặc bộ môn thông qua. Mọi điều chỉnh về kế hoạch giảng dạy phải được thủ trưởng đơn vị đào tạo đồng ý.

4. Chuẩn bị bài giảng nghiêm túc: nắm vững mục tiêu môn học, có bài giảng và tài liệu tham khảo cho sinh viên sử dụng, có đầy đủ các thí dụ minh họa, bài tập và câu hỏi thảo luận cho từng phần của từng chương theo mục tiêu cụ thể của đề cương môn học đã ban hành.

5. Vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tiên tiến và phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên phương pháp luận môn học, phát triển năng lực nhận thức và kỹ năng ở bậc cao, rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học môn học và tư duy sáng tạo.

6. Tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi thi khi thủ trưởng đơn vị đào tạo yêu cầu. Thực hiện kiểm tra, đánh giá môn học một cách khách quan, chính xác theo đúng mục tiêu của đề cương môn học và kế hoạch giảng dạy đã được ban hành.

7. Tham gia quản lý giờ học của sinh viên trên lớp, trong studio, phòng thí nghiệm hoặc trên thực địa và hướng dẫn sinh viên tự học theo quy định của thủ trưởng đơn vị đào tạo, bao gồm:

- Xác định và giao các vấn đề, nội dung, yêu cầu để sinh viên hoặc nhóm sinh viên chuẩn bị cho nghe giảng và thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; Xác định và giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc nhóm sinh viên;

- Hướng dẫn, nhận xét sinh viên thảo luận, làm thực hành, thực tập, thí nghiệm. Cung cấp hoặc giới thiệu địa chỉ tìm tài liệu tham khảo cho sinh viên đọc, nghiên cứu;

- Theo dõi và kiểm tra đánh giá sinh viên nghe giảng, thảo luận trên lớp, thực hành, thực tập, thí nghiệm, làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu để tích hợp vào kết quả đánh giá cuối cùng của môn học. Biên soạn đề kiểm tra và các tiêu chí đánh giá;

8. Tham gia nghiên cứu khoa học và đưa kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn.

9. Sau mỗi 3 năm giảng dạy, giảng viên được miễn giảng dạy 1 học kỳ để tập trung nghiên cứu khoa học và tu nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn trong nước hoặc nước ngoài. Đơn vị đào tạo có kế hoạch, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do đơn vị đào tạo giao.

Điều 24. Người dạy môn học là cán bộ giảng dạy chính nhiệm, kiêm nhiệm, cộng tác viên do thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định.

Điều 25. Chủ nhiệm khoa (thuộc trường đại học thành viên) hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc quy định những môn học phải có cán bộ giảng dạy phụ trách (trưởng môn học) cũng như nhiệm vụ và quyền lợi của trưởng môn học.

Điều 26. Sinh viên có quyền và nghĩa vụ:

1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy chế đào tạo và nội quy học tập do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định, đảm bảo đi học đầy đủ, đúng giờ, giữ gìn trật tự vệ sinh lớp học, không được gian lận trong học tập, kiểm tra và thi dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của môn học theo sự hướng dẫn của cán bộ giảng dạy.

3. Nâng cao ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu và thường xuyên liên hệ với giảng viên để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề tự học, tự nghiên cứu.

4. Sinh viên có quyền đăng ký tạm hoãn một số môn học trong lịch trình học quy định với tổng khối lượng không quá 7 tín chỉ trong một học kỳ và chủ yếu thuộc nhóm môn học không bắt buộc (học theo tiến độ chậm) nhưng thời gian cho toàn khóa học đối với các sinh viên này không vượt quá thời gian tối đa được phép học như đã quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

Trừ các đối tượng được ưu tiên, những sinh viên học theo tiến độ chậm ở học kỳ nào thì không được hưởng chính sách học bổng ở học kỳ đó.

5. Ngoài ra, sinh viên hệ chính quy còn có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Từ năm học thứ hai trở đi, sinh viên xếp hạng học lực từ khá trở lên (điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 3,00 trở lên) có thể đăng ký học thêm ngành học thứ hai với các quy định sau:

- Thời hạn tối đa để hoàn thành ngành học thứ hai là khi thời hạn tối đa quy định cho ngành học thứ nhất (tại Điều 9 của Quy chế này) kết thúc. Khi học ngành học thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những môn học có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình của ngành học thứ nhất.

- Sinh viên phải dừng học ngành học thứ hai ở năm học tiếp theo nếu điểm trung bình chung trong năm học đó đối với một trong hai ngành học bị xếp loại yếu.

- Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành học thứ hai sau khi đã tốt nghiệp ngành học thứ nhất.

- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định đồng ý hay không đồng ý cho sinh viên học thêm ngành học thứ hai căn cứ chỉ tiêu đào tạo được giao và đảm bảo số sinh viên thuộc diện này không vượt quá 10% tổng số sinh viên hiện đang theo học ngành đó.

b. Nếu được thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép, sinh viên có thể tự học hoặc học tại một cơ sở đào tạo đại học khác trong hoặc ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội một số môn học trong chương trình đào tạo, nhưng phải thi tích lũy các môn học đó tại một đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đối với những môn học thuộc khối kiến thức chung hoặc tại đơn vị đào tạo sinh viên đang theo học thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đối với những môn học thuộc các khối kiến thức còn lại.

c. Sinh viên được Đại học Quốc gia Hà Nội cử đi học tập ở trường đại học đối tác nước ngoài có thể được miễn học những môn học đã tích lũy ở nước ngoài. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc miễn học và chuyển đổi kết quả học tập ở nước ngoài thay thế cho các môn học thuộc chương trình đào tạo của đơn vị. Những môn học không được miễn sinh viên phải học bổ sung.

Điều 27. Các đối tượng ưu tiên và phân loại khu vực đối với hệ chính quy và hệ tại chức được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 28. Chuyển trường

1. Sinh viên đang học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có nguyện vọng được chuyển đi học tại cơ sở đào tạo đại học khác ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội khi được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo và của cơ sở đào tạo tiếp nhận.

2. Sinh viên đang học tại một cơ sở đào tạo đại học ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội được chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có đủ các điều kiện sau:

a. Trong thời gian học tập, gia đình sinh viên (đối với sinh viên hệ chính quy) hoặc sinh viên (đối với các hệ tại chức, chuyên tu và văn bằng thứ hai) chuyển nơi cư trú, công tác hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội gần nơi cư trú của gia đình, nơi công tác của sinh viên để thuận lợi trong học tập.

b. Kết quả thi đại học phải đạt điểm chuẩn cùng năm học của ngành chuyển đến.

c. Có từ 80% trở lên số môn học đã học ở cơ sở đào tạo xin chuyển đi có cùng nội dung và số tín chỉ không nhỏ hơn các môn học tương ứng thuộc chương trình của ngành đào tạo xin chuyển đến thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

d. Có điểm trung bình chung học tập của những học kỳ trước đạt từ 2,50 trở lên và không có môn học nào có kết quả dưới D. Đối với những môn học còn thiếu, sinh viên phải học bổ sung.

e. Được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo tiếp nhận thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và của cơ sở đào tạo xin chuyển đi.

f. Tham dự kiểm tra kiến thức và đạt điểm theo quy định của đơn vị đào tạo tiếp nhận thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Thủ trưởng đơn vị đào tạo tiếp nhận quy định và thông báo công khai khả năng tiếp nhận, các môn học kiểm tra, nội dung và hình thức kiểm tra.

3. Các trường hợp sau được đặc cách xét chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội:

a. Sinh viên đã từng là thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế hoặc đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn học phù hợp với ngành học và thoả mãn các điểm d và e, khoản 2 của Điều này.

b. Sinh viên có điểm trung bình chung học tập của những học kỳ trước đạt từ 3,20 trở lên và thoả mãn các điểm b, d, e khoản 2 của Điều này.

4. Sinh viên không được phép chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Không đáp ứng các điều kiện dự tuyển vào Đại học Quốc gia Hà Nội quy định ở Điều 12 của Quy chế này.

b. Đang học năm thứ nhất hoặc năm cuối khoá.

c. Đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Chương IV **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN**

Điều 29. Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động quan trọng, cần thiết trong quá trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học, bao gồm các hình thức sau đây:

- Tham gia câu lạc bộ khoa học sinh viên, xêmina chuyên đề khoa học, báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học; công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành.

- Tham gia khảo sát thực địa, thực nghiệm khoa học, thực hiện khoá luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu, triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn. Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên năm thứ ba trở xuống được coi như một niên luận hoặc tiểu luận.

Điều 30. Công tác tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học sinh viên được phân công như sau:

- Các đơn vị đào tạo tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên: triển khai nghiên cứu, tổ chức hội nghị khoa học sinh viên, đánh giá và khen thưởng hàng năm công tác nghiên cứu khoa học sinh viên của đơn vị mình.

- Cán bộ giảng dạy có trách nhiệm tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo phân công của khoa trong kế hoạch giảng dạy hàng năm. Cán bộ giảng dạy hướng dẫn một công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên năm thứ ba trở xuống được tính tối đa 10 giờ chuẩn. Cán bộ giảng dạy hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp của sinh viên được tính giờ chuẩn theo quy định hiện hành.

- Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức xét trao giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cho các công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc của sinh viên toàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 31. Những công trình nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải được cộng điểm thưởng vào điểm trung bình chung học tập mở rộng của học kỳ, của năm học và của toàn khoá để làm căn cứ xét học bổng, xét chuyển tiếp vào bậc sau đại học và các quyền lợi khác. Mức điểm thưởng được quy định như sau:

- Đạt giải thưởng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Giải nhất: 0,4 điểm

Giải nhì: 0,3 điểm

Giải ba: 0,2 điểm

Giải khuyến khích: 0,1 điểm

- Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc:

Giải nhất: 0,2 điểm

Giải nhì: 0,15 điểm

Giải ba: 0,1 điểm

Trong học kỳ hoặc năm học, nếu sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học ở các cấp (trường hoặc khoa trực thuộc, Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì chỉ được cộng điểm thưởng một lần ở mức giải cao nhất.

Trong suốt khoá học, nếu sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học thì chỉ được cộng điểm thưởng một lần ở mức giải cao nhất vào điểm trung bình chung học tập mở rộng của toàn khoá học.

Nếu công trình do nhiều người cùng làm thì điểm thưởng được chia đều cho số người cùng tham gia.

Điều 32. Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên năm thứ ba trở xuống có thể thay cho một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ và được tích lũy vào kết quả học tập chung của học kỳ, của năm học cũng như của toàn khoá nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

a. Được một hội đồng cấp khoa đánh giá cho điểm (quy về thang điểm 10) và quy định thay cho môn học nào trong chương trình đào tạo của ngành học;

b. Sinh viên có nguyện vọng.

Chương V

KIỂM TRA THƯỜNG KỶ VÀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Điều 33. Điểm đánh giá một môn học (gọi là điểm môn học) bao gồm: các điểm đánh giá bộ phận (điểm kiểm tra thường xuyên trên lớp, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa môn học, điểm tiểu luận, bài tập lớn) và điểm thi kết thúc môn học, trong đó điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc và có trọng số không dưới 50% điểm của môn học.

Có hai hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

- *Kiểm tra - đánh giá thường xuyên* là hoạt động của giảng viên sử dụng các kỹ thuật đánh giá khác nhau trong các hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ (lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, hoạt động theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu,...) nhằm kiểm tra việc làm chủ kiến thức và rèn luyện kỹ năng đã được xác định trong mục tiêu của môn học.

- *Kiểm tra - đánh giá định kỳ* là hoạt động của giảng viên vào những thời điểm đã được quy định trong đề cương môn học, nhằm đánh giá mức độ đạt mục tiêu môn học ở giai đoạn tương ứng của sinh viên.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận do giảng viên đề xuất, được chủ nhiệm khoa (hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc) phê duyệt và phải được quy định trong đề cương môn học.

Bài thi kết thúc môn học có thể thực hiện bằng các hình thức thi viết (trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận với thời gian từ 60 phút đến 180 phút), vấn đáp, làm thực tập hoặc kết hợp các hình thức trên.

Chủ nhiệm khoa (hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc) quy định các hình thức thi thích hợp cho từng môn học.

Điều 34. Trong các môn học có phần thực hành thì phần thực hành được đánh giá như sau:

- Thực hành dưới dạng các bài thực nghiệm: lấy điểm trung bình (có hệ số theo quy định của đề cương môn học) của các bài thực nghiệm trong học kỳ, hoặc điểm kiểm tra kết thúc, hoặc lấy điểm trung bình (có trọng số) các điểm nói trên để làm điểm kiểm tra phần thực hành.

- Thực hành các dạng khác (thực tập, bài tập, xêmina, tiểu luận): Sinh viên phải tham dự đầy đủ số giờ thực tập, không ít hơn 80% số giờ bài tập hay xêmina, hoàn tất các yêu cầu đối với thực hành, hoàn thành đầy đủ tiểu luận được giao mới được đánh giá là đạt phần thực hành để đủ điều kiện dự thi phần lý thuyết. Cán bộ giảng dạy cụ thể hóa cách đánh giá các môn học thực hành, báo cáo chủ nhiệm bộ môn duyệt.

Điều 35. Điểm tổng hợp đánh giá bộ phận của môn học do cán bộ giảng dạy chấm và điểm thi kết thúc môn học có thể lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm của môn học là trung bình cộng của hai điểm nói trên với trọng số được quy định trong đề cương môn học và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điều 36. Mỗi học kỳ chỉ tổ chức hai kỳ thi: lần I và lần II, cách nhau từ 3 đến 5 tuần lễ. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể công tác tổ chức các kỳ thi.

1. Trong mỗi kỳ thi, từng môn học được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học trong cùng một buổi thi của một sinh viên. Thời gian dành cho ôn thi các môn học được sắp xếp tỷ lệ với số lượng tín chỉ của các môn học đó và ít nhất là 1/2 ngày cho mỗi tín chỉ. Đối với mỗi môn học, sinh viên chỉ được dự thi một lần trong cùng một kỳ thi.

2. Lịch thi lần I của các môn học phải được thông báo trước ít nhất 1 tháng, lịch thi lần II phải được thông báo trước ít nhất 1 tuần. Không tổ chức thi ngoài các kỳ thi nói trên.

3. Các đơn vị đào tạo không tổ chức thi đối với các môn học không có trong kế hoạch đào tạo của học kỳ đó.

Điều 37.

1. Đề thi môn học và đáp án do các cán bộ giảng dạy hoặc cùng dạy môn học soạn thảo, bổ sung vào ngân hàng đề thi. Thủ trưởng đơn vị đào tạo chỉ định người chịu trách nhiệm tuyển chọn đề thi từ ngân hàng đề thi để sử dụng cho mỗi kỳ thi.

2. Đề thi phải phù hợp với chương trình đã ban hành và đáp ứng được yêu cầu kiểm tra, đánh giá đúng mục tiêu đã đề ra của môn học. Đề thi và đáp án thi cho kỳ thi lần I và lần II phải tương đương như nhau về đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên và phải được bảo đảm bí mật.

Điều 38.

1. Sinh viên được dự thi kết thúc môn học ở kỳ thi lần I, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a. Phải có đủ các điểm đánh giá theo quy định của đề cương môn học.

Trong trường hợp sinh viên chưa dự kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra thực hành vì có lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được chủ nhiệm khoa (hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc) đồng ý, đơn vị đào tạo tổ chức kỳ kiểm tra bổ sung để sinh viên có đủ điều kiện thi kết thúc môn học.

Nếu sinh viên không dự kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra thực hành mà không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm không (0).

b. Đóng học phí đầy đủ theo quy định.

2. Kết quả thi lần I được dùng để tính điểm trung bình chung học tập khi xét học bổng cũng như các chế độ ưu đãi và khen thưởng.

3. Sinh viên được giao làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải dừng việc làm khóa luận và chuyển sang thi tốt nghiệp nếu có từ một môn học trở lên tính từ năm thứ nhất đến hết học kỳ I của năm cuối khoá chưa được tích lũy. Sinh viên được tiếp tục làm khóa luận tốt nghiệp nếu chỉ còn nợ những môn của học kỳ cuối cùng.

Sinh viên được bảo vệ khóa luận tốt nghiệp sau khi đã tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.

Điều 39.

1. Những sinh viên không được dự thi kết thúc môn học do chưa đóng đủ học phí và những sinh viên bỏ thi không có lý do chính đáng ở kỳ thi lần I thì phải nhận điểm không (0) ở lần thi đó.

2. Những sinh viên được dự thi kết thúc môn học ở kỳ thi lần II gồm:

a. Sinh viên chưa dự thi kết thúc môn học ở kỳ thi lần I vì có lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được chủ nhiệm khoa (hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc) đồng ý (trong trường hợp này, sinh viên được coi là thi lần đầu).

b. Sinh viên có điểm của môn học bị điểm F.

c. Sinh viên đóng bổ sung học phí đầy đủ.

3. Sinh viên có điểm môn học bị điểm F sau kỳ thi lần II phải học lại môn học đó (nếu là môn học bắt buộc) hoặc có thể thay bằng môn học khác (nếu là môn học tự chọn) mới được dự thi kết thúc môn học.

Điều 40. Điểm cao nhất trong các lần thi kết thúc một môn học được dùng để tính điểm môn học và điểm trung bình chung học tập khi xét tốt nghiệp, xét học tiếp, ngừng học hay thôi học, đăng ký rút ngắn thời gian khóa học hoặc đăng ký học thêm một ngành đào tạo.

Chương VI TỔ CHỨC THI, KIỂM TRA

Điều 41. Tổ chức thi và kiểm tra môn học

1. Đơn vị đào tạo tổ chức và quản lý thi các môn học. Cơ sở để kiểm tra - đánh giá kết quả môn học là các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được đề ra trong Đề cương môn học.

Nguyên tắc kiểm tra - đánh giá kết quả môn học là: kết hợp kiểm tra - đánh giá thường xuyên, định kỳ (gọi tắt là kiểm tra) với kỳ thi kết thúc môn học; bảo đảm tất cả nội dung kiến thức thu được thông qua cả ba hình thức hoạt động dạy - học: lên lớp, thực hành và tự học phải được tích lũy vào kết quả môn học thông qua kiểm tra - đánh giá.

2. Việc kiểm tra và đánh giá các điểm bộ phận của mỗi môn học do cán bộ giảng dạy môn học đó trực tiếp thực hiện và nộp bảng điểm cho khoa (đối với trường đại học thành viên), phòng đào tạo và thông báo cho sinh viên.

3. Bài thi viết của sinh viên phải được rọc phách trước khi giao cho cán bộ giảng dạy chấm thi. Thủ trưởng đơn vị tổ chức thi bảo quản đầu phách trong suốt quá trình chấm thi, lên điểm. Việc chấm bài thi viết được thực hiện tập trung tại đơn vị tổ chức thi.

Người ghép phách, lên điểm phải chịu trách nhiệm về độ chính xác của điểm được ghi.

Trước khi chấm, cán bộ giảng dạy kiểm tra từng bài xem có đủ số tờ, đủ số phách không. Không chấm bài làm trên giấy khác với giấy thi quy định, bài có hai thứ chữ khác nhau hoặc mực đỏ.

4. Đáp án và thang điểm chấm thi môn học phải được biên soạn cùng với đề thi. Nhóm cán bộ giảng dạy chấm thi phải thảo luận và thống nhất về đáp án, thang điểm trước khi chấm. Thang điểm tiểu luận, khoá luận do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định. Việc hỏi thi hoặc chấm mỗi bài thi kết thúc môn học phải do hai cán bộ giảng dạy thực hiện. Cán bộ giảng dạy chấm thi phải cho điểm đúng theo thang điểm của đáp án.

5. Điểm thi kết thúc môn học là trung bình cộng các điểm do các cán bộ giảng dạy cùng hỏi hoặc cùng chấm bài thi đã cho và làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau khi đã ghép phách, thủ trưởng đơn vị tổ chức thi thực hiện việc trừ điểm đối với các sinh viên vi phạm quy định về kỷ luật theo đúng mức ghi trong khoản 2 Điều 45 của Quy chế này. Bài thi đã chấm phải có đầy đủ điểm thi và chữ ký của hai cán bộ giảng dạy chấm thi.

Điều 42.

1. Điểm thi vấn đáp phần lý thuyết hoặc phần thực hành sau khi đã thống nhất giữa hai cán bộ giảng dạy chấm thi thì công bố ngay cho sinh viên biết.

2. Bài thi, kiểm tra viết phải được chấm trong thời hạn không quá 7 ngày sau ngày thi hoặc kiểm tra. Kết quả mỗi môn thi viết phải được thông báo công khai chậm nhất là 15 ngày sau ngày thi.

Biên bản chấm thi từng môn (có danh sách sinh viên và điểm thi của từng sinh viên) phải điền đầy đủ các mục và phải có chữ ký của cả hai cán bộ giảng dạy chấm thi. Khi cần sửa chữa những điểm ghi sai thì gạch bỏ điểm ghi sai, ghi điểm đúng ở bên cạnh và người sửa ký tên xác nhận. Tuyệt đối không tẩy xoá điểm thi ghi trong biên bản chấm thi hoặc trên bài làm của sinh viên. Biên bản chấm thi (bản chính) được lưu giữ tại phòng đào tạo của đơn vị đào tạo.

3. Tất cả các bài thi sau khi chấm xong kể cả đề và đáp án, tiểu luận, bài tập lớn, ... phải được bảo quản và lưu trữ ít nhất 2 năm kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn. Thủ trưởng bộ phận được phân công tổ chức và quản lý thi quy định ở khoản 1 Điều 41 của Quy chế này thành lập hội đồng xét huỷ.

Các tài liệu khác về kỳ thi như biên bản chấm thi, bảng điểm tổng hợp thuộc tài liệu lưu trữ lâu dài của đơn vị đào tạo.

4. Trong vòng 15 ngày sau khi tổ chức xong kỳ thi lần II của học kỳ, các đơn vị đào tạo phải hoàn chỉnh bảng điểm tổng hợp (ghi đầy đủ điểm của các lần thi) cho mỗi lớp sinh viên. Bảng điểm tổng hợp kết quả thi học kỳ được làm thành 3 bản, 1 bản lưu tại khoa (hoặc khoa trực thuộc), 1 bản chuyển đến lớp sinh viên và 1 bản gửi về phòng đào tạo (đối với trường thành viên) hoặc Ban Đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội (đối với khoa trực thuộc). Bảng điểm tổng hợp phải có chữ ký xác nhận của chủ nhiệm khoa hoặc khoa trực thuộc.

Điều 43. Tổ chức thi, coi thi

1. Phòng đào tạo hoặc khoa lập danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi, phân phòng thi.
 2. Mỗi phòng thi phải có ít nhất 2 cán bộ coi thi. Một cán bộ coi thi gọi sinh viên vào phòng thi, cán bộ coi thi khác kiểm tra thẻ sinh viên và hướng dẫn sinh viên ngồi đúng chỗ quy định. Việc bố trí cán bộ coi thi phải tổ chức theo nguyên tắc bốc thăm.
 3. Trong thời gian làm bài của sinh viên, một cán bộ coi thi bao quát phòng thi từ trên xuống dưới, cán bộ coi thi khác bao quát từ dưới lên trên. Cán bộ coi thi phải có mặt thường xuyên tại phòng thi và tuyệt đối không làm việc riêng trong lúc đang coi thi.
 4. Không cho sinh viên ra khỏi phòng thi trong lúc đang thi, trừ trường hợp đặc biệt. Kịp thời lập biên bản xử lý kỷ luật theo đúng quy định đối với những sinh viên vi phạm quy định về kỷ luật thi.
 5. Cán bộ coi thi phải báo cho sinh viên biết trước khi hết giờ thi 15 phút và yêu cầu tất cả sinh viên phải ngừng làm bài khi hết giờ. Một cán bộ coi thi bao quát phòng thi, cán bộ coi thi khác nhận bài thi của sinh viên. Khi nhận bài, cán bộ coi thi phải đếm đủ số tờ giấy thi của sinh viên đã ghi, yêu cầu sinh viên ghi đúng số tờ giấy thi và ký tên vào bản danh sách thi, tuyệt đối không để sinh viên ký trước khi nộp bài. Các biên bản xử lý kỷ luật, giấy xin phép nghỉ thi... phải nộp kèm theo biên bản bàn giao bài thi cho phòng đào tạo.
- Tuyệt đối không được để nhầm lẫn, mất mát bài thi. Nghiêm cấm các hành vi đổi tráo bài thi, viết thêm vào bài thi hoặc nộp thêm bài thi.

Điều 44. Kỷ luật đối với cán bộ coi thi, tổ chức thi và chấm thi

Người tham gia công tác coi thi, tổ chức thi và chấm thi vi phạm quy định (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau khi kỳ thi đã kết thúc), tùy theo mức độ sẽ bị kiểm điểm và thi hành kỷ luật theo các hình thức sau đây:

1. *Khiển trách*: áp dụng đối với những người phạm lỗi sau: đến chậm giờ quy định, quên không ký vào giấy thi, giấy nháp của sinh viên, không tập trung khi coi thi, bỏ 1 buổi coi thi không có lý do chính đáng.
2. *Cảnh cáo*: áp dụng đối với những người phạm lỗi sau:
 - Bỏ 2 buổi coi thi trở lên không có lý do chính đáng trong một năm học.
 - Trong giờ coi thi bỏ đi làm việc khác.
 - Để cho sinh viên tự do quay cóp, mang và sử dụng tài liệu trái phép trong khi thi.
 - Không lập biên bản đối với những sinh viên đã bị phát hiện có vi phạm quy chế.
 - Làm mất bài thi trong khi thu bài, di chuyển bài hoặc chấm bài.
 - Chấm thi hay cộng điểm bài thi có sai sót nhiều.
3. *Hạ tâng công tác hoặc buộc thôi việc*: áp dụng đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau:

- Làm lộ đề thi.
- Đưa đề thi ra ngoài, đưa bài giải từ ngoài vào phòng thi hoặc giúp sinh viên làm bài thi trong lúc đang thi.
- Làm lộ phách.
- Gian lận trong khi chấm thi. Cho điểm không đúng quy định, chủ định tăng hoặc hạ điểm của bài thi so với đáp án.
- Sửa chữa, thêm bớt vào bài làm của sinh viên để tăng hay hạ điểm.
- Sửa chữa làm sai lệch điểm trên bài thi, trên biên bản chấm thi hoặc sổ điểm.
- Đánh tráo bài thi, số phách hoặc điểm của sinh viên.

Điều 45.

1. Quy định trách nhiệm của sinh viên:
 - a. Sinh viên phải có mặt tại phòng thi trước giờ thi ít nhất là 5 phút. Nếu chậm quá 15 phút sau khi đã công bố đề thi thì không được dự thi.
 - b. Khi vào phòng thi, sinh viên phải tuân thủ các quy định sau đây:
 - Trình thẻ sinh viên.
 - Chỉ mang vào phòng thi những học cụ được thủ trưởng đơn vị đào tạo cho phép.
 - Ghi đầy đủ mã số hoặc số báo danh của sinh viên và các thông tin cần thiết vào giấy thi.
 - Bài làm phải viết rõ ràng, sạch sẽ. Không viết bằng bút chì, mực đỏ. Chỉ làm bài vào tờ giấy thi do cán bộ coi thi phát và đã có chữ ký của cán bộ coi thi.
 - Phải bảo vệ bài làm của mình và nghiêm cấm mọi hành vi gian lận.
 - Trong suốt thời gian làm bài, sinh viên không được ra khỏi phòng thi trừ trường hợp đặc biệt được cấp có thẩm quyền cho phép. Phải giữ gìn trật tự.
 - c. Sinh viên chỉ được rời phòng thi sớm nhất sau 2/3 thời gian làm bài. Khi hết giờ phải ngừng làm bài và nộp bài làm cho cán bộ coi thi kể cả khi không làm được bài. Khi nộp bài, sinh viên phải ký xác nhận số tờ giấy bài làm vào bản danh sách sinh viên. Không được nộp giấy nháp thay giấy thi.

Sinh viên có quyền làm đơn khiếu nại đối với những cán bộ coi thi không thực hiện đúng quy định.

2. Quy định về kỷ luật đối với sinh viên:

Những sinh viên vi phạm quy chế thi đều phải lập biên bản và tùy mức độ nặng nhẹ sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau đây:

- a. *Khiển trách*: áp dụng đối với những sinh viên phạm lỗi 1 lần: nhìn bài của bạn, trao đổi, thảo luận với bạn.

Sinh viên bị khiển trách trong khi thi môn học nào sẽ bị trừ 25% số điểm đạt được của bài thi môn học đó.

b. *Cảnh cáo*: áp dụng đối với những sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã bị khiển trách một lần nhưng trong giờ thi môn học đó vẫn tiếp tục vi phạm quy chế thi.

- Trao đổi bài làm, giấy nháp với sinh viên khác.

- Chép bài của người khác. Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì xử lý như nhau trừ trường hợp nếu người bị xử lý có đủ bằng chứng chứng tỏ mình thực sự bị quay cóp thì thủ trưởng đơn vị đào tạo có thể xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống mức khiển trách.

Sinh viên bị cảnh cáo trong khi thi môn học nào sẽ bị trừ 50% số điểm đạt được của bài thi môn học đó.

c. *Đình chỉ thi*: áp dụng đối với các sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi môn học đó vẫn tiếp tục vi phạm quy định.

- Sau khi đã bóc đề thi bị phát hiện vẫn còn mang theo người những vật dụng không được phép như tài liệu, phương tiện kỹ thuật thu phát truyền tin,...

- Đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.

Sinh viên bị kỷ luật đình chỉ thi sẽ bị điểm không (0) bài thi môn học đó và phải ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định đình chỉ.

Các hình thức kỷ luật nói trên do hai cán bộ coi thi lập biên bản, thu tang vật và thống nhất hình thức kỷ luật. Trường hợp hai cán bộ coi thi không thống nhất được thì chủ nhiệm khoa quyết định.

d. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 46. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các môn học mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các môn học mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng môn học.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những môn học đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các môn học đã được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Điều 47. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm môn học

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A (8,5 - 10)	Giỏi
	B (7,0 - 8,4)	Khá
	C (5,5 - 6,9)	Trung bình
	D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những môn học chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I	Chưa đủ dữ liệu đánh giá.
X	Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những môn học được đơn vị đào tạo cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những môn học mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do thủ trưởng đơn vị quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những môn học mà phòng đào tạo của đơn vị đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm môn học được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số môn học được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những môn học được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 48. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A	tương ứng với	4
B	tương ứng với	3
C	tương ứng với	2
D	tương ứng với	1
F	tương ứng với	0

Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức, thủ trưởng đơn vị quy định quy đổi các mức điểm chữ đó qua các điểm số thích hợp, với một chữ số thập phân.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của môn học thứ i

n_i là số tín chỉ của môn học thứ i

n là tổng số môn học.

Kết quả các môn học về Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất không tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học hay khóa học.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc môn học ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên, xếp hạng tốt nghiệp, xét học tiếp, ngừng học hay thôi học, đăng ký rút ngắn thời gian khóa học hoặc đăng ký học thêm một ngành đào tạo được tính theo điểm thi kết thúc môn học cao nhất trong các lần thi.

Điều 49. Xếp hạng học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

2. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 50. Buộc thôi học

1. Sinh viên phải thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

c) Vượt quá thời hạn tối đa được phép học (quy định tại Điều 9 của Quy chế này);

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của đơn vị đào tạo.

2. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, đơn vị đào tạo phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại đơn vị đào tạo sinh viên đã học hoặc tại những đơn vị đào tạo khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Sinh viên được quyền viết đơn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a. Được động viên vào lực lượng vũ trang.
- b. Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
- c. Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở đơn vị đào tạo và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân không quá 36 tháng và không được tính vào thời gian tối đa được phép học quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp phải có đơn gửi đơn vị đào tạo ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hay năm học mới.

Điều 51. Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp hoặc hội đồng chấm thi tốt nghiệp có ít nhất 3 thành viên do chủ nhiệm khoa hoặc chủ nhiệm khoa trực thuộc thành lập và báo cáo thủ trưởng cấp trên trực tiếp. Khoá luận tốt nghiệp và bài thi tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 có lẻ đến 0,5. Hình thức thi tốt nghiệp, số khoá luận tốt nghiệp do một giảng viên hướng dẫn, quy trình chấm và phương thức cho điểm khoá luận tốt nghiệp, bài thi tốt nghiệp do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định và áp dụng thống nhất trong đơn vị mình.

Điều 52. Sinh viên đã học tập ở một ngành đào tạo tại một đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được xét công nhận tốt nghiệp ngành đào tạo đó nếu có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo toàn khoá của ngành đã đăng ký học;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thỏa mãn những yêu cầu về kết quả học tập đối với một số môn học chuyên môn đặc thù mà đơn vị đào tạo có quy định bổ sung bằng văn bản công bố trước khoá học;
- Thỏa mãn yêu cầu đối với các môn học về Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

Điều 53. Hàng năm, hiệu trưởng trường đại học thành viên, chủ nhiệm khoa trực thuộc ra quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo của đơn vị mình. Hội đồng xét tốt nghiệp có thủ trưởng hoặc phó thủ trưởng đơn vị đào tạo làm chủ tịch, trưởng hoặc phó trưởng phòng đào tạo làm thư ký và một số uỷ viên.

Trên cơ sở thẩm định của hội đồng xét tốt nghiệp, hiệu trưởng trường đại học thành viên ra quyết định công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên đào tạo ở trường, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ra quyết định công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên đào tạo ở khoa trực thuộc theo đề nghị của chủ nhiệm khoa.

Điều 54. Cấp bằng tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo, trong bằng có ghi rõ tên ngành đào tạo, loại hình đào tạo, hạng tốt nghiệp và kèm theo ảnh của người được cấp bằng có đóng dấu nổi.

Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

Đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai theo loại hình chính quy thì cấp bằng tốt nghiệp hệ chính quy, theo loại hình tại chức thì cấp bằng tốt nghiệp hệ tại chức.

Hạng tốt nghiệp đại học cho sinh viên học văn bằng thứ hai được xét dựa theo kết quả học tập các môn học được bảo lưu của văn bằng đại học thứ nhất và kết quả học tập được tích lũy trong thời gian học đại học văn bằng thứ hai.

2. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá đạt xuất sắc và giỏi, hạng tốt nghiệp sẽ bị hạ một bậc nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a. Phải thi lại quá 5% tổng số tín chỉ quy định cho toàn khoá học.
- b. Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Kết quả học tập của sinh viên theo từng môn học của tất cả các lần thi đều được ghi vào bằng điểm kèm theo và cấp cùng lúc với bằng tốt nghiệp.

4. Những sinh viên chưa hoàn thành các chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày kết thúc khóa học, được trở về đơn vị đào tạo trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5. Sinh viên không đủ điều kiện được cấp bằng tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các môn học đã học trong chương trình đào tạo.

Điều 55. Nếu sinh viên còn có kết quả học tập thoả mãn những quy định ở mục a khoản 5 Điều 26 và Điều 52 của Quy chế này đối với một ngành đào tạo khác ở một trong các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội thì được cấp thêm bằng tốt nghiệp tương ứng đối với ngành đào tạo đó.

Điều 56. Quyền hạn cấp văn bằng bậc đại học

- Căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp, hiệu trưởng trường đại học thành viên ký và đóng dấu của trường vào bằng tốt nghiệp đại học cho những người được đào tạo ở trường.

- Căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp, chủ nhiệm khoa trực thuộc ký (không đóng dấu của khoa) trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ký và đóng dấu Đại học Quốc gia Hà Nội vào bằng tốt nghiệp đại học cho những người được đào tạo ở khoa trực thuộc.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng đối với những khóa đào tạo theo chương trình đã chuyển đổi sang tín chỉ. Những quy định trước đây trái với văn bản này đều không còn hiệu lực.

Căn cứ Quy chế này, các đơn vị đào tạo có thể ban hành các quy định chi tiết cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị mình, nhưng không được trái với Quy chế này.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội có thể quyết định điều chỉnh một số quy định mang tính cụ thể, định lượng cho phù hợp với tình hình thực tế để tạm thời áp dụng nhưng phải báo cáo Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội tại phiên họp gần nhất để xem xét sửa đổi chính thức.

GIÁM ĐỐC
(đã ký)

GS. VS. Đào Trọng Thi